TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **07**/2018/ST-HNGĐ
Ngày: 06/3/2018
Về tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Lê Văn Trung**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Bà Trần Xuân Đạm**
Ông Bùi Quang Phú

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lành**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 06/3/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 240/2017/TLST- HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Trương Thị T,** sinh năm 1996 (có mặt)
* Bị đơn: **Anh Lô Văn H,** sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Soor Rung, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:* Chị Trương Thị T và anh Lô Văn H tự nguyện chung sống từ năm 2014 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống có tìm hiểu thời gian khoảng 2 năm, sau khi chung sống với nhau thì vợ chồng sống tại ấp Tân Bình, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp sau đó chuyển về sống tại ấp Soor Rung, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy không thể trở lại chung sống với nhau được nữa nên chị T xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là cháu Lô Thị Bảo A, sinh ngày 28/3/2015, hiện nay cháu A đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T xin nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi, hiện tại chị T không mang thai.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lô Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lô Văn H được Tòa án triệu tập nhiều lần, niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nhưng anh H vẫn không đến Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh xác định trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lô Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Lô Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ 2014 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống có tìm hiểu thời gian khoảng 2 năm, sau khi chung sống với nhau thì vợ chồng sống tại ấp Tân Bình, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp sau đó chuyển về sống tại ấp Soor Rung, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chung sống giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên hai người đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay, xét thấy thời gian chung sống giữa chị T và anh H rất ngắn, thời gian ly thân kèo dài nhưng cả hai người không chủ động gặp gỡ, bàn bạc, hòa giải để hóa giải mâu thuẫn trở về đoàn tụ, không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với anh H. Anh Lô Văn H được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh H vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp.

2. Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Lô Thị Bảo A, sinh ngày 28/3/2015, hiện nay con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T xin nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A còn nhỏ, lại chung sống với chị T từ trước đến nay, anh H không đến Tòa án để đưa ra yêu cầu nên cần giao cháu Lô Thị Bảo An cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

3. Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Trương Thị T chịu số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lô Văn H.

2. Con chung: Giao cháu Lô Thị Bảo A, sinh ngày 28/3/2015 cho chị T được nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lô Thị Bảo A trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Án phí: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014859 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Chị Trương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lô Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước*;
- *VKSND huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trung